

Số: 83 /BC-CL

Tân Bình, ngày 14 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận Tân Bình

V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai sử dụng ngân sách Quý 01 năm 2025 của Trường Tiểu học Chi Lăng.

Trường Tiểu học Chi Lăng báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

I. Tình hình công khai ngân sách:

1. Trường Tiểu học Chi Lăng đã công khai sử dụng ngân sách Quý 01 năm 2025 theo bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc Nhà nước quý 1 năm 2025.

2. Trường Tiểu học Chi Lăng đã thực hiện công khai ngân sách: (Chi tiết theo biểu sau)

Stt	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách		
		Nội dung	Hình thức	Thời gian
I	Trường Tiểu học Chi Lăng			
1	Theo bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc Nhà nước quý 1 năm 2025.	Công khai sử dụng ngân sách quý 1 năm 2025	- Dán bảng tin của trường.	Niêm yết từ ngày 14/04/2025 đến ngày 14/05/2025
			Đăng công khai trên website trường	Công khai từ ngày 14/04/2025 đến ngày 14/04/2030

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu :VT.

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
CHI LĂNG
HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Minh Quân

Biểu số 03
Ban hành kèm theo TT số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐƠN VỊ :TRƯỜNG TH CHI LĂNG
Chương : 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1 NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Chi Lăng công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2025 :

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỉ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỉ lệ %)
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.033	2.067	200%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.033	2.067	200%	0%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên, giao tự chủ	1.033	2.067,5		0,0
	Nguồn 13	886	2.067,5		0%
	Nguồn 14	147	0,0		0%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên, không giao tự chủ	0	0,0	#DIV/0!	#DIV/0!

Kế toán

Nguyễn Thị Kim Tình

Tân Bình, ngày 14 tháng 04 năm 2025

Hiệu trưởng

Nguyễn Minh Quân

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1 NĂM 2025

I. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	:	2.067,49	triệu đồng
6000 Tiền lương	:	1.024,45	triệu đồng
6050 Tiền công trả cho lao động theo hợp đồng	:	29,76	triệu đồng
6100 Phụ cấp theo lương	:	496,48	triệu đồng
6200 Tiền thưởng	:	-	triệu đồng
6300 các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)	:	277,41	triệu đồng
6400 Các khoản thanh toán cho cá nhân	:	86,22	triệu đồng
6500 Thanh toán dịch vụ công cộng	:	43,39	triệu đồng
6550 Vật tư văn phòng	:	-	triệu đồng
6600 Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	:	7,99	triệu đồng
6700 Công tác phí	:	3,00	triệu đồng
6750 Chi phí thuê mướn khác	:	74,40	triệu đồng
6900 Sửa chữa, duy tu tài sản	:	17,83	triệu đồng
7000 Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	:	6,57	triệu đồng
7750 Chi khác	:		triệu đồng
7950 Trích lập các quỹ	:		triệu đồng
8000 Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	:		triệu đồng
II. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 14)	:	-	triệu đồng
6000 Tiền lương	:	-	triệu đồng
6100 Phụ cấp theo lương	:	-	triệu đồng
6300 các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)	:	-	triệu đồng
6400 Các khoản thanh toán cho cá nhân	:		triệu đồng
III. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	:	-	triệu đồng

Kế toán



Nguyễn Thị Kim Tình

Tân Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2025



Hiệu trưởng

Nguyễn Minh Quân

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 / Năm 2025

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	797.458.000	797.458.000	797.458.000	797.458.000	0	0	0	0	0	797.458.000
13	072	00000	16.709.945	8.903.260.000	8.903.260.000	8.903.260.000	8.919.969.945	2.067.494.093	2.067.494.093	0	0	0	6.852.475.852
14	072	00000	2.380.755.756	4.579.180.000	4.579.180.000	4.579.180.000	6.959.935.756	0	0	0	0	0	6.959.935.756
18	072	00000	0	427.964.000	427.964.000	427.964.000	427.964.000	0	0	0	0	0	427.964.000
Cộng:			2.397.465.701	14.707.862.000	14.707.862.000	14.707.862.000	17.105.327.701	2.067.494.093	2.067.494.093	0	0	0	15.037.833.608
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Kế toán

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Kế toán trưởng

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Đức Tài

Người ký: Trần Thị Thắm
Ngày ký: 01/04/2023 16:27:23
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Quản lý số 7 - Khoa Đào tạo sau Đại học II

Trần Thị Thắm

Người ký: Nguyễn Thị Kim Tinh
Ngày ký: 01/04/2023 09:17:50
Đơn vị: Trường Tiểu học Chí Lành

Nguyễn Thị Kim Tinh

Người ký: Nguyễn Minh Quân
Ngày ký: 01/04/2023 09:17:50
Đơn vị: Trường Tiểu học Chí Lành

Nguyễn Minh Quân

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Chi Lăng

Mã ĐVQHNS: 1004097

Mã cấp NS: 2

Người ký: Trần Thị Thắm
Ngày ký: 01/04/2025 10:12:05
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 7 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực II
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã MNDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	1.024.454.340	1.024.454.340	0	0	1.024.454.340	1.024.454.340
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	29.760.000	29.760.000	0	0	29.760.000	29.760.000
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	14.742.000	14.742.000	0	0	14.742.000	14.742.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	334.871.901	334.871.901	0	0	334.871.901	334.871.901
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	5.616.000	5.616.000	0	0	5.616.000	5.616.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	141.251.946	141.251.946	0	0	141.251.946	141.251.946
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	200.676.210	200.676.210	0	0	200.676.210	200.676.210
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	35.413.448	35.413.448	0	0	35.413.448	35.413.448
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	23.608.966	23.608.966	0	0	23.608.966	23.608.966
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	11.804.484	11.804.484	0	0	11.804.484	11.804.484
Các khoản đóng góp khác	13	072	6349	00000	5.902.241	5.902.241	0	0	5.902.241	5.902.241
Chi khác	13	072	6449	00000	86.220.000	86.220.000	0	0	86.220.000	86.220.000
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	26.320.117	26.320.117	26.320.117	26.320.117
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	15.811.770	15.811.770	15.811.770	15.811.770
Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	1.256.412	1.256.412	1.256.412	1.256.412
Thuế bao kênh vệ tỉnh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí	13	072	6605	00000	0	0	4.362.258	4.362.258	4.362.258	4.362.258

Internet; thuê đường truyền mạng											
Phím ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13	072	6608	00000	0	0	3.626.000	3.626.000	3.626.000	3.626.000	3.626.000
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	3.000.000	3.000.000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	74.400.000	74.400.000	0	0	74.400.000	74.400.000	74.400.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	072	7012	00000	0	0	6.570.000	6.570.000	6.570.000	6.570.000	6.570.000
Nhà cửa	13	072	6907	00000	0	0	11.826.000	11.826.000	11.826.000	11.826.000	11.826.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
				Cộng:	1.991.721.536	1.991.721.536	75.772.557	75.772.557	2.067.494.093	2.067.494.093	2.067.494.093
Phần KBNN ghi:											

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Đức Tài

Người ký: Trần Thị Thắm
 Ngày ký: 01/04/2025 10:12:05
 Chức danh: Kế toán trưởng
 Đơn vị: Phòng Quản trị số 7 - Khoa Học Nhà nước Đà Nẵng II

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Tinh

Người ký: Nguyễn Thị Kim Tinh
 Ngày ký: 01/04/2025 09:18:06
 Chức danh: Kế toán trưởng
 Đơn vị: Phòng Tài chính Chi lương

Nguyễn Minh Quân

Người ký: Nguyễn Minh Quân
 Ngày ký: 01/04/2025 09:46:51
 Chức danh: Kế toán trưởng
 Đơn vị: Phòng Tài chính Chi lương